

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2024/HS-ST
Ngày: 22-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Tấn Dũng.

Bà Ngô Thị Lệ Nga.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Dương Thành Tâm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Ngô Hữu Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Chí P (còn có tên là C), sinh ngày 01/01/1996, tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn E (chết) và bà Nguyễn Thị H; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: 02, (1) ngày 30/3/2018, Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời gian chấp hành 14 tháng (chấp hành xong ngày 21/12/2018); (2) ngày 08/11/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 70.000.000 đồng, về hành vi vận chuyển hàng cấm, không nộp phạt; tạm giữ: Không; tạm giam: Ngày 10/8/2024; có mặt.

2. Trần Văn N, sinh ngày 07/5/2005, tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Tự do (không); trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông

Trần Hữu L và bà Lê Ngọc M; chưa có vợ con; tiền sự, tiền án: Không; tạm giữ từ ngày 26/01 đến ngày 04/02/2024; tạm giam: Không; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo N:* Ông Lê Phi T là luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ; có mặt.

- *Người làm chứng:* Đoàn Văn H1, Nguyễn Lý H2; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ, ngày 25/01/2024, Nguyễn Chí P đang ở nhà thuộc ấp A, xã T, huyện H, có người thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ) đến hỏi mua 10 túi (bịch) pháo nổ loại nhỏ (loại pháo banh) và hẹn khoảng 20 giờ cùng ngày, đến khu vực gần “Cổng chào” thuộc ấp T, xã T, huyện H để giao pháo, P đồng ý. Lúc này Trần Văn N đến, nên P thuê N vận chuyển pháo với số tiền 250.000 đồng (khi giao được pháo), N đồng ý. Sau đó, N đi sang Vương quốc Campuchia, đến kho của người tên M1 (không họ và chữ lót) để lấy pháo 20 túi pháo (loại pháo banh) gồm 10 túi pháo lớn, 10 túi pháo túi nhỏ (do P mua) và thỏa thuận với chủ kho trước trời tối giao số pháo trên đến gần bụi tre dưới bờ sông S Thượng cách sân bóng Chí Tình khoảng 40 mét (bên Việt Nam), thì người bán đồng ý. N về Việt Nam và điện thoại cho P biết là đã đặt mua pháo thành công. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số 66S1-162.98, màu sơn đỏ-đen (của N) đến địa điểm thỏa thuận trước để nhận pháo. Khi nhận được pháo, N chia nhỏ số lượng pháo để trong cốp xe và áo (để khi qua chốt của Biên phòng không bị phát hiện) để vận chuyển ra nương B (vận chuyển 06 lần). Vận chuyển xong, N phân chia 10 túi pháo nhỏ và 10 túi pháo lớn để vào 02 túi nylon màu đen, cất giấu vào bụi cây gần nương B. N quay về nhà của P để xe mô tô (của N) tại đây và đi bộ đến nhà của T1 (cách nhà P khoảng 15 mét) để chơi. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, P điện thoại hỏi N đang ở đâu, N trả lời đang ở nhà T1, thì P nói tiếp “Ồ đó đi, khi nào đi anh rước” (tức là khi nào đi giao pháo thì rước đi cùng). Khoảng 10 phút sau, P điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số 67K1-017.83, màu sơn đen-trắng (của P) rước N, đi đến nương Ba C1 lấy 02 túi nylon màu đen bên trong có chứa pháo nổ (Nhặt cất giấu trước đó). P điều khiển xe mô tô chở N cầm 02 túi pháo đến khu vực “Cổng chào” (gần Văn phòng ấp T, xã T, như đã hẹn) nhưng không thấy người nhận pháo, nên N xuống xe đi vào đường cặp Văn phòng ấp để cất giấu pháo, thì lực lượng Đoàn biên phòng bắt quả tang. Lúc này, P điều khiển xe mô tô chạy thoát.

Quá trình điều tra, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Tại phiên tòa, bị cáo N còn thừa nhận: Đã nhận của P số tiền 1.500.000 đồng để mua pháo bên Campuchia, nhưng N không trả tiền mua pháo mà đã tiêu xài cá nhân hết, đồng ý nộp lại tiền để sung quỹ Nhà nước; P chỉ thuê N mua 10 túi pháo nhỏ, N tự ý mua

thêm 10 túi pháo lớn để về xã L tìm người bán lại, nhưng đã bị bắt quả tang. Bị cáo P thừa nhận 10 túi pháo (loại nhỏ) thuê N mua, vận chuyển pháo để giao cho người khác, số pháo còn lại không biết. Tuy nhiên, P thừa nhận cùng với N vận chuyển 20 túi pháo nổ khi N bị bắt quả tang, nên Viện kiểm sát truy tố là đúng. Đối với số tiền đã đưa cho N không yêu cầu đòi lại, không có ý kiến về số tiền 1.500.000 đồng dùng vào việc mua pháo.

Vật chứng thu giữ:

- 10 (mười) túi nilon trong suốt kích thước mỗi túi 15x20 cm, bên trong chứa 1.000 vật hình cầu nhiều màu sắc (loại nhỏ); 10 (mười) túi nilon trong suốt hàn kín, kích thước mỗi túi 20x25 cm, bên trong chứa tổng 1.006 vật hình cầu nhiều màu sắc (loại lớn). Tất cả được niêm phong trong thùng giấy carton có dòng chữ “Lá kim trẻ em lộc 3” có các chữ ký của Phan Văn Hồng T2, Lê Văn A, Trần Văn N và dấu hình tròn màu đỏ của Công an xã T - Công an huyện H.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số 66S1-162.98, màu sơn đỏ-đen, số máy 5C64665244, số khung RLCS5C640BY665245 (đã qua sử dụng) do N mua trên mạng (không rõ tên, địa chỉ) vào năm 2023, với số tiền 4.000.000 đồng, khi mua không có giấy chứng nhận đăng ký xe và không làm giấy tờ, là phương tiện N dùng việc phạm tội. Kết quả tra cứu thể hiện: biển số 66S1-162.98 do Trần Văn C2, sinh năm 1988, địa chỉ số I, ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp đứng tên; Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, số máy 5C64665244, số khung RLCS5C640BY665245 do Võ Triều H3, sinh năm 1993, địa chỉ: ấp G, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang, đứng tên. Qua xác minh các anh Trần Văn C2, Võ Triều H3 hiện không có mặt tại nơi cư trú, đi đâu làm gì không biết.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số 67K1-017.83, màu sơn đen-trắng, số máy 5C64441107, số khung RLCS5C640BY441102, đã qua sử dụng, là phương tiện P dùng việc phạm tội, do P mua của Đoàn Văn H1, sinh ngày 25/8/2000 địa chỉ: ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Đồng vào tháng 03/2023, với số giá 8.000.000 đồng, khi mua có giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 001046 mang tên Nguyễn Văn T3. Kết quả xác minh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1971, địa chỉ: ấp P (nay là ấp T), xã P, huyện P, tỉnh An Giang hiện không có mặt tại địa phương, đi đâu làm gì không rõ; từ trước đến nay, ông T3 không trình báo về việc bị chiếm đoạt xe trên.

- 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Nokia, màu xanh trong điện thoại có gắn sim điện thoại số 0394.858.924 (đã qua sử dụng) và 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Nokia, màu đen, trong điện thoại có gắn sim điện thoại số 0393.333.834 (đã qua sử dụng), N, P dùng để liên lạc vào việc vận chuyển hàng cấm.

- 01 (một) điện thoại nhãn hiệu POCO, màu đen, đã qua sử dụng, của N. Trong quá trình điều tra chứng minh không liên quan đến vụ án, nên ngày 31/5/2024 Cơ quan điều tra trả lại cho N.

Kết luận giám định số 145/KL-KTHS, ngày 04 tháng 02 năm 2024 của Phòng K1, Công an tỉnh Đ, kết luận: 2.006 viên pháo bằng nhựa dạng tròn (trong đó 1.000 viên loại nhỏ và 1.006 viên loại lớn) chứa trong 20 túi nylon, mỗi viên pháo đều có nhiều màu, dạng hình tròn, gồm hai phần ghép lại, có gắn đoạn dây dẫn lửa màu xanh, bên trong mỗi viên pháo đều có chứa chất bột mịn màu xám đen, được niêm phong trong thùng giấy carton có dòng chữ “Lá Kim Trẻ em lốc 3” nêu trên gửi giám định đều là pháo nổ (có chứa thành phần thuốc pháo nổ: Kali Clorat (KClO₃), C3 (C) và P1 (P)), có tổng khối lượng 6.550 gam.

Tại Cáo trạng truy tố số 28/CT-VKSHN ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 191, Điều 17, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS), tuyên bố các bị cáo Nguyễn Chí P và Trần Văn N phạm “Tội vận chuyển hàng cấm”, xử phạt bị cáo P từ 09 tháng đến 01 năm tù, bị cáo N từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 02 xe mô tô, 02 điện thoại di động có sim; Tịch thu tiêu hủy: 1986 viên pháo; Buộc N nộp lại số tiền 1.500.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Cả hai bị cáo đều không bào chữa, tranh luận chỉ nói lời sau cùng: Xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người bào chữa tranh luận: Thống nhất với các tình tiết giảm nhẹ mà Kiểm sát viên đã nêu, đề nghị xem xét thêm, bị cáo N chỉ là người làm thuê cho bị cáo P, xét xử mức thấp nhất của khung hình phạt mà Kiểm sát viên đề xuất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi của mình tương tự như nội dung Cáo trạng, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, chứng minh được:

[3] Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; các bị cáo đã có hành vi cố ý cùng nhau vận chuyển 2.006 viên pháo nổ có khối lượng 6.550 gam, đã bị bắt quả tang. Qua xem xét toàn diện chứng cứ, diễn tiến quá trình thực hiện hành vi nêu trên, đã đủ căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo Nguyễn Chí P

và Trần Văn N đồng phạm “Tội vận chuyển hàng cấm” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 của BLHS:

“1. Người nào tàng trữ, vận chuyển hàng cấm thuộc một trong các trường hợp sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 232, 234, 239, 244, 246, 249, 250, 253, 254, 304, 305, 306, 309 và 311 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:...

c) Pháo nổ từ 06 kilôgam đến dưới 40 kilôgam; ...

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”

Và khoản 1 Điều 17 của BLHS, quy định:

“1. Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm...”

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt đối với các bị cáo:

[5] Các bị cáo nhận thức rõ hành vi vận chuyển hàng cấm là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý trực tiếp cùng nhau thực hiện và đã thực hiện tội phạm hoàn thành. Các bị cáo là đồng phạm giản đơn, nhất thời, không có sự có sự câu kết chặt chẽ với nhau; Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt theo quy định tại các Điều 17 và 58 của BLHS.

[6] Hành vi của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, gây nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự bất chấp, xem thường pháp luật. Do đó, cần phải có mức hình phạt tương xứng, cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và có tác dụng phòng ngừa chung, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[7] Về nhân thân: Các bị cáo không có tiền án, tiền sự. Riêng bị cáo P nhân thân từng có 02 tiền sự.

[8] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thật thà khai báo thể hiện sự ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của BLHS; trình độ học vấn của các bị cáo thấp nên hiểu biết pháp luật có phần hạn chế, bị cáo P mồ côi cha từ nhỏ chỉ sống chung với mẹ nên thiếu sự giáo dục của cha, bị cáo N thuộc hộ cận nghèo, nên xem xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật

Hình sự khi quyết định hình phạt, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[10] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội vì mục đích lợi nhuận nhưng chưa thu được, không có điều kiện kinh tế nên không áp dụng hình phạt tiền và các hình phạt bổ sung khác đối với các bị cáo.

[11] Các vấn đề khác: Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp nên chấp nhận.

[12] Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 191, Điều 17, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự,

1.1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Chí P phạm “Tội vận chuyển hàng cấm”.

1.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí P 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10 tháng 8 năm 2024.

2. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 191, Điều 17, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự,

2.1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn N phạm “Tội vận chuyển hàng cấm”.

2.2. Xử phạt bị cáo Trần Văn N 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 26 tháng 01 đến ngày 04 tháng 02 năm 2024.

3. Về xử lý vật chứng, tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm, căn cứ khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự:

3.1. Tịch thu tiêu hủy: 1.986 viên pháo bằng nhựa dạng tròn (trong đó 990 viên loại nhỏ và 996 viên loại lớn), mỗi viên pháo đều có nhiều màu, gồm hai phần ghép lại, có gắn đoạn dây dẫn lửa màu xanh còn lại sau giám định được niêm phong lại trong thùng giấy, được dán giấy niêm phong ghi “Niêm phong số: 145, ngày 17/02/2024”, có đóng hình dấu tròn màu đỏ của “Phòng K1 Công an tỉnh Đ” và các chữ ký ghi họ tên: Nguyễn Văn Bé N1 và Lê Văn K và 01 (một) biên số 66S1-162.98 (gắn trên xe Yamaha - S, đã qua sử dụng).

3.2. Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu sơn đỏ-đen (gắn biển số 66S1-162.98), số máy 5C64665244, số khung RLCS5C640BY665245; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số 67K1-017.83, màu sơn đen-trắng, số máy 5C64441107, số khung RLCS5C640BY441102, kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 001046 mang tên Nguyễn Văn T3; 01 (một) điện thoại

nhãn hiệu Nokia, màu xanh, trong điện thoại có gắn sim điện thoại số 0394.858.924; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Nokia, màu đen, trong điện thoại có gắn sim điện thoại số 0393.333.834 (Tất cả đã qua sử dụng).

Vật chứng do Ban chỉ huy Quân sự huyện H quản lý theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 28 tháng 3 năm 2024 và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp quản lý theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25 tháng 6 năm 2024.

3.3. Buộc bị cáo Trần Văn N nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền dùng vào mục đích phạm tội 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng.

4. Về án phí, căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 1 Điều 23 và Danh mục án phí, lệ phí tòa án kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Chí P phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Trần Văn N được miễn án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/8/2024).

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại (nếu có);
- Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp;
- Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Nơi đang giam giữ bị cáo (nếu có);
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương nơi giám sát, giáo dục người được hưởng án treo (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú